

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2017

*V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Bà Tô Thị Thanh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:**

Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1969

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1967

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị Đ có mặt, anh H xin vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/2/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh H tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới ngày 19/10/1987 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi anh chị chung sống.

Nguyên nhân của việc không đăng ký kết hôn là do không hiểu biết pháp luật và bận mải công việc. Sau khi về chung sống với nhau, anh chị sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, anh H thay đổi tính cách, thường xuyên uống rượu và đánh đập vợ con rất tàn nhẫn, đập phá tài sản. Do không thể chịu được việc đánh đập của anh H nên từ đầu năm 2013, chị và hai con đã chuyển ra ngoài ở riêng. Tuy nhiên, khi đã ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân với nhau, anh H vẫn đến nơi ở riêng của chị đập phá tài sản và đánh mẹ con chị. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị và anh H không có đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

2. Về con chung: chị Đ và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Bá D, sinh ngày 31/10/1993 và cháu Nguyễn Thị O, sinh ngày 28/3/1998. Hai con của anh chị đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con.

3. Về quan hệ tài sản: chị Đ xác định vợ chồng chị có khối tài sản chung là một ngôi nhà ba gian mái bằng, diện tích sử dụng là 70m<sup>2</sup>, xây trên diện tích đất là 235 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: thôn T (xóm 4), xã V, thành phố T, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001232 – QSDĐ/TK-QĐ 160 ngày 26/8/1999 mang tên anh Nguyễn Bá H. Đối với khối tài sản chung này, theo đơn khởi kiện ban đầu chị Đ đề nghị Tòa án phân chia. Đến ngày 07/7/2017, chị Đ có đơn rút yêu cầu giải quyết tài sản để chị Đ và anh H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh H không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2017 và ngày 31/7/2017, bị đơn là anh Nguyễn Bá H trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Đ như sau:*

1. Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị Đ tự nguyện tìm hiểu và tổ chức kết hôn được sự đồng ý của hai bên gia đình vào cuối năm 1987. Thời điểm đó do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế, công việc của anh chủ yếu là đồng ruộng rất bận mải nên vợ chồng anh không đăng kí kết hôn tại Ủy ban. Thời gian sau đó, chính quyền địa phương cũng tuyên truyền, vận động nhưng do vợ chồng chung sống với nhau lâu rồi nên ngại và đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn. Đến thời điểm này, chị Đ xin ly hôn, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị, anh H đồng ý vì giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được.

2. Về con chung: anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Bá D, sinh ngày 31/10/1993 và cháu Nguyễn Thị O, sinh ngày 28/3/1998. Hai con của anh chị đã thành niên nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con.

3. Về quan hệ tài sản: anh H cũng xác định, vợ chồng anh có khối tài sản chung là một ngôi nhà ba gian mái bằng, diện tích sử dụng là 70m<sup>2</sup>, xây trên diện tích đất là 235 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: thôn T (xóm 4), xã V, thành phố T. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001232 – QSDĐ/TK-QĐ 160 ngày 26/8/1999 mang tên anh Nguyễn Bá H. Chị Đ đã có đơn rút yêu cầu giải quyết khối tài sản này để vợ chồng anh tự thỏa thuận phân chia, anh H đồng ý.

Anh và chị Đ không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo Biên bản xác minh ngày 04/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Anh H và chị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T. Anh H, chị Đ chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn của anh H, chị Đ đã kéo dài nhiều năm nên đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của anh H, chị Đ theo quy định của pháp luật. Anh H và chị Đ có hai con chung như lời khai của anh chị là đúng. Về tài sản: Ủy ban xác nhận anh Nguyễn Bá H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001232 – QSDĐ/TK-QĐ 160 ngày 26/8/1999 với diện tích đất ở là 235 m<sup>2</sup>.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải quyết vụ án dân sự:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và có đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn cũng tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên không công nhận chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Bá H là quan hệ vợ chồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### [1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Bá H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, đồng thời anh H đã có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh H. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

### [2] Về nội dung:

\* Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, nhưng từ đó đến nay cả hai bên đều không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại cuộc sống chung của chị Đ và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu và đánh đập chị Đ và hai con. Nay cả hai bên đều xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đều đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Đồng thời, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 quy định: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”*. Vì vậy, quan hệ giữa chị Đ và anh H không được công nhận là vợ chồng.

\* Về con chung: Hai con chung của chị Đ và anh H là Nguyễn Bá D, sinh ngày 31/10/1993 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 28/3/1998 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

\* Về tài sản: chị Đ và anh H đều xác định có khối tài sản chung là một ngôi nhà ba gian mái bằng, diện tích sử dụng là 70m<sup>2</sup>, xây trên diện tích đất là 235 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: thôn T (xóm 4), xã V, thành phố T. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 001232 – QSDĐ/TK-QĐ 160 ngày 26/8/1999 mang tên anh Nguyễn Bá H. Chị Đ và anh H tự thỏa thuận phân chia khối tài sản chung này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình, quy định: “Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận của các bên”. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận chị Đ và anh H là hợp pháp nên được chấp nhận.

Chị Đ và anh H không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đ đã rút yêu cầu chia tài sản chung nên được trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 9, 14, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 203, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

I. Về quan hệ hôn nhân: xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Bá H

II. Về quan hệ con chung: Hai con chung của chị Đ và anh H là Nguyễn Bá D, sinh ngày 31/10/1993 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 28/3/1998 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

III. Về quan hệ tài sản: chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Bá H có khối tài sản chung là một ngôi nhà ba gian mái bằng, diện tích sử dụng là 70m<sup>2</sup>, xây trên diện tích đất là 235 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: thôn T (xóm 4), xã V, thành phố T. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001232 – QSDĐ/TK-QĐ 160 ngày 26/8/1999 mang tên anh Nguyễn Bá H. Chị Đ và anh H tự thỏa thuận phân chia khối tài sản chung này nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Chị Đ và anh H không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

IV. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006358 ngày 13/3/2017 sang thi hành án phí. Trả lại chị Phạm Thị Đ số

tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 1.800.000 đồng theo biên lai thu số 0006374 ngày 20/3/2017.

IV. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/9/2017). Anh Nguyễn Bá H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Hà**